

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1341/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1377/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố H, hiện trú tại: Số 120 đường H, xóm N, thị trấn V, huyện L, tỉnh B, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Chị Hà Thị N và anh Lê Văn Q kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố H vào ngày 08 tháng 9 năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi nhau. Anh Q không quan tâm đến vợ con, thường hay tụ tập bạn bè chơi bời, nợ nần dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Chị N có tham gia với anh Q nhưng anh Q không nghe nên từ đầu năm 2018 chị N bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Q. Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là Lê Việt T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Lê Hà Phương L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2018. Chị N đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Lê Văn Q đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Lê Văn Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố H tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Q không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị N được ly hôn anh Q; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Lê Việt T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Lê Hà Phương L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2018 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Lê Văn Q cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị N và bị đơn anh Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị N và anh Lê Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố H vào ngày 08 tháng 9 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến vợ con, hay tụ tập bạn bè chơi bời, nợ nần dẫn đến kinh tế gia đình rất khó khăn. Đầu năm 2018 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh Q có 02 con chung là Lê Việt T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Lê Hà Phương L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2018. Chị N đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu xác minh thấy chị N hiện nay có việc làm, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo nuôi hai con; cháu Lê Hà Phương L dưới 03 tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Xét đề nghị của chị N là hoàn toàn phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Hà Thị N được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con là Lê Việt T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Lê Hà Phương L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2018 cho chị Hà Thị N nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Lê Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017321 ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố H. Chị Hà Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Hà Thị N và anh Lê Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải